

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KẾ TOÁN

Ngành đào tạo : Kế toán
Trình độ đào tạo : Đại học
Mã ngành : 7340301
Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	Lớp định hướng áp dụng
7340301.01	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy 2023
7340301.02	Kiểm toán	Chính quy 2023

(Ban hành theo Quyết định số ~~302~~ **302**/QĐ-ĐHTBD ngày **18/9**/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)

Khánh Hòa, 2023



MỤC LỤC

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH..	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH.....	1
2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương	1
2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương.....	2
2.3. Căn cứ pháp lý	2
2.4. Căn cứ thực tiễn	3
PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP.....	4
3.1. Mục tiêu đào tạo.....	4
3.2. Chuẩn đầu ra.....	4
3.3. Cơ hội nghề nghiệp.....	5
PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP.....	5
4.1. Tiêu chí tuyển sinh	5
4.2. Tổ chức đào tạo	5
4.3. Điều kiện tốt nghiệp	7
PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO.....	7
5.1. Cấu trúc chương trình	7
5.2. Danh mục môn học.....	8
5.3. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	11
PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình.....	12
6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác	14
PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	15
7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu	15
7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	18

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Kinh doanh năng động và sáng tạo trong thời đại số. Chương trình học thực tiễn, sử dụng các nghiên cứu điển hình, và học từ hoạt động hỗ trợ cộng đồng; ứng dụng công nghệ trong việc hỗ trợ ra quyết định nhận định, dự phóng về kinh tế - tài chính; cùng với liên tục sáng tạo trong kinh doanh giúp sinh viên thích ứng linh hoạt với nhiều công việc mang tính cạnh tranh cao.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- a) Ngành đào tạo : Kế toán
- Tên tiếng Anh : Accounting
 - Mã ngành cấp 4 : 7340301
 - Trình độ đào tạo : Đại học
 - Loại hình đào tạo : Chính quy
 - Loại văn bằng : Cử nhân
 - Thời gian đào tạo : 3,5 năm
 - Tổng số tín chỉ : 130 tín chỉ¹

b) Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh
7340301.01	Kế toán doanh nghiệp	Corporate Accounting
7340301.02	Kiểm toán	Audit

c) Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Thái Bình Dương

d) Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa Kinh tế và Quản trị

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương

a) **Tầm nhìn:** Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liên chính, chuẩn mực quốc tế.

b) **Sứ mệnh:** Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

¹ Trong đó đã bao gồm 9 tín chỉ không tính vào điểm trung bình chung gồm các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

c) Giá trị cốt lõi: Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lẽ phải, công bằng và đạo lý.
Trách nhiệm	Sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo.
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương

“THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THẤU CẢM”

a) Thực học: Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) Toàn diện: Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dân thân xã hội.

c) Trao quyền: Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) Tương tác: Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) Thấu cảm: Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

2.3. Căn cứ pháp lý

a) Văn bản pháp luật của nhà nước

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục);

- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 289/QĐ-ĐHTBD ngày 06/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

2.4. Căn cứ thực tiễn

Theo Michael Higgins, Hội đồng công nghệ Forbes, thì trong kinh doanh, cũng như trong cuộc sống, thay đổi là hằng số thực sự duy nhất. Từ việc giảm thiểu những gián đoạn kinh doanh cho đến thích ứng với các mô hình kinh doanh mới, các chuyên gia trong tất cả các ngành đều phải đối mặt với những thay đổi lớn. Kế toán cũng không ngoại lệ và nghề này đã vượt xa khỏi việc ghi sổ sách và tính lương đơn thuần, nó ngày càng đóng vai trò chiến lược đối với các doanh nghiệp có tầm nhìn. Trong khi một số chuyên gia cho rằng kế toán có một tương lai mờ mịt trong thế giới kỹ thuật số, thì các công nghệ trong lĩnh vực quản lý dữ liệu dựa trên đám mây, tự động hóa quy trình và phân tích nâng cao thực sự đã sẵn sàng để thay đổi các kế toán viên theo những cách mới.

Từ đó, kế toán viên có thể sử dụng các kỹ năng con người độc đáo của mình để làm việc chuyển đổi những hiểu biết sâu sắc được trích xuất từ dữ liệu chất lượng cao thành lập kế hoạch và báo cáo tài chính hiệu quả hơn. Trong một môi trường tích hợp, họ có thể cộng tác với các đồng nghiệp từ các đơn vị kinh doanh khác để tận dụng dữ liệu tài chính nhằm thúc đẩy sự đổi mới, xây dựng chuỗi cung ứng linh hoạt & nhanh nhẹn hơn, và phát triển các kế hoạch quản lý kinh doanh nhằm thúc đẩy tăng trưởng.

Được hỗ trợ bởi công nghệ trong một môi trường hợp tác, các nhóm kế toán sẽ có cả các chuyên gia kế toán tận tâm và các chuyên gia đến từ các lĩnh vực khác của doanh nghiệp. Kế toán có thể đóng vai trò cố vấn, và làm việc để vạch ra một kế hoạch tìm nguồn cung ứng chiến lược. Họ có thể tận dụng các công cụ quản lý dữ liệu, bao gồm cả thực tế tăng cường, để nhân hóa và ngữ cảnh hóa dữ liệu chi tiêu cho ban lãnh đạo nhằm đưa ra quyết định tốt hơn dựa trên giá trị lâu dài thay vì chỉ bảo toàn vốn đầu tư.

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trường Đại học Thái Bình Dương được thiết kế theo triết lý giáo dục khai phóng và hệ tín chỉ phổ biến tại các trường đại học ở Mỹ và Canada.

Trên nền tảng giáo dục khai phóng, chương trình đào tạo TBD mang đến cho sinh viên một chuyên môn sâu trên nền tảng rộng các năng lực tổng quát, giúp người học thích nghi nhanh và thành công trong môi trường làm việc năng động, đa dạng và nhiều biến đổi.

Chuyên môn sâu: Sinh viên khám phá các học phần chuyên ngành kết hợp ứng dụng vào thực tiễn việc làm thông qua các đề án, hoạt động thực hành tích hợp, hai kỳ thực tập, và các chuyên đề với chuyên gia trong nước và quốc tế. Chương trình đào tạo cho sinh viên nắm vững kiến thức nền tảng kinh tế học, kế toán tài chính, kế toán quản trị, chuyên sâu về các nghiệp vụ kế toán và kiểm toán; đồng thời có năng lực thu thập, phân tích, tổ chức, quản lý các dữ liệu kế toán và từ đó hỗ trợ ra quyết định tại các tổ chức của nền kinh tế. Sinh viên còn được trang bị các kỹ năng mềm và thông minh cảm xúc giúp phát triển nghề nghiệp bản thân trong môi trường cạnh tranh và hội nhập toàn cầu.

Nền tảng rộng: Sinh viên rèn luyện liên tục các nhóm kiến thức và năng lực sau:

- Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên
- Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ
- Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội
- Thích nghi thực tiễn
- Ngoại ngữ

3.2. Chuẩn đầu ra

TT	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Kế toán tài chính: Xử lý nghiệp vụ, tổ chức hệ thống kế toán và lập báo cáo tài chính.
PLO2	Thuế: Tìm hiểu, cập nhật, thực thi tuân thủ và lập kế hoạch thuế phù hợp.
PLO3	Quản trị tài chính: Lập, trình bày và thuyết minh các phương án tài chính hỗ trợ ra quyết định.
PLO4	Kế toán quản trị: Thiết lập ngân sách, kiểm soát chi phí, và tổ chức hệ thống báo cáo quản trị.
PLO5	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo: Đánh giá hệ thống thông tin và kiểm soát nội bộ, thu thập bằng chứng và thực hiện các thủ tục để đáp ứng các mục tiêu của kiểm toán và đảm bảo.
PLO6	Dữ liệu & công nghệ: Phân tích và đánh giá dữ liệu bằng cách sử dụng các công nghệ và công cụ tiên tiến nhằm hỗ trợ ra quyết định hiệu quả.
PLO7	Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.

PLO8	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.
PLO9	Cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn kết với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột.

3.3. Cơ hội nghề nghiệp

- ❖ Lĩnh vực nghề nghiệp
 - Kinh doanh, kế toán, tài chính trong các công ty trong nước và quốc tế.
 - Tổ chức tài chính như Ngân hàng thương mại, Công ty chứng khoán, Công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư.
- ❖ Vị trí nghề nghiệp
 - Chuyên viên bộ phận quản trị tài chính - kế toán của các doanh nghiệp sản xuất thương mại, dịch vụ (doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp);
 - Nhân viên các công ty tư vấn, dịch vụ kế toán - kiểm toán;
 - Chuyên viên kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp sản xuất thương mại, các định chế tài chính, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp của các quốc gia trong khu vực ASEAN;
 - Chuyên viên phân tích báo cáo, dữ liệu kế toán, tài chính.

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

4.1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.2. Tổ chức đào tạo

a) **Thời gian đào tạo:** Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 3,5 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 11 học kỳ.

b) Phân đoạn đào tạo

GIAI ĐOẠN	MÔ TẢ
Khai phóng tiềm năng	Phát triển năng lực toàn diện và thông minh cảm xúc.
Khám phá ngành nghề	Dẫn nhập vào thế giới ngành nghề, xác định mục tiêu phấn đấu, bước đầu trải nghiệm thực tiễn và tích lũy kinh nghiệm để phát triển kỹ năng.
Phát triển chuyên môn	Thực hiện các đề án nhóm và độc lập, đào sâu chuyên môn, xây dựng các năng lực lõi của ngành nghề và tạo ra các sản phẩm dấu ấn cá nhân.
Làm chủ bản thân	Sẵn sàng gắn kết vào thế giới nghề nghiệp thông qua làm việc độc lập và nhóm tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp với tinh thần lập nghiệp và doanh chủ.

c) Phương pháp dạy và học

PHÂN NHÓM	GHI CHÚ	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC
Các phương pháp chủ đạo (60%)	Được áp dụng phổ rộng trong nhiều môn học và xuyên suốt cả quá trình đào tạo	Học qua điển cứu (Case study) Lớp học đảo (Flipped classroom) Tranh luận, tranh biện (Debate) Phương pháp thuyết giảng (Lecturing)
Các phương pháp hỗ trợ (30%)	Tần suất áp dụng thấp hơn do đặc thù của phương pháp nhưng vẫn đóng một vai trò quan trọng hình thành năng lực người học	Phương pháp thực địa (On-site learning) Thực tập (Internship) Học trong quá trình làm/Học từ trải nghiệm (Embedded learning/Work-integrated learning)
Các phương pháp đặc thù (10%)	Chỉ áp dụng được trong một số môn học phù hợp nhất định, có tác dụng bổ khuyết một số năng lực, phẩm chất của người học mà các phương pháp khác còn khiếm khuyết	Học qua dự án (Project-based learning) Học qua phục vụ cộng đồng (Service Learning) Phương pháp đóng vai (Role play) Phương pháp điền dã (Field study) Phương pháp mô phỏng (Simulation) Phương pháp trò chơi hóa (Gamification)

d) Phương pháp đánh giá

Đối với môn học từ 2 tín chỉ trở lên, sinh viên được đánh giá qua 3 cấu phần (từ A1 đến A3). Đối với các môn học có khối lượng nhỏ hơn 2 tín chỉ, có thể chỉ có một cấu phần đánh giá. Các cấu phần đánh giá được phân bổ thời gian dàn trải theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo tính hợp lý, đánh giá thường xuyên liên tục.

(*) **Nguyên tắc chung:** Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.
- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo đề cương dưới dạng phụ lục.
- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.
- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(*) **Các hình thức đánh giá**

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	THƯỜNG ÁP DỤNG CHO PHẦN ĐÁNH GIÁ	
	QUÁ TRÌNH	HẾT MÔN
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	
Thuyết trình (Oral Presentation)	x	x
Đánh giá hoạt động (Performance Test)	x	
Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	x	
Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x

Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	x	x
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		x
Viết báo cáo (Written Report)		x
Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	x	x
Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	x	
Báo cáo khóa luận (Graduation Thesis/ Report)		x

e) Cách tính điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định số 289/QĐ-ĐHTBD ngày 06/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh.
- Hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
- Tích lũy đủ 18 tín chỉ English là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương IELTS 5.0, hay bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Tích lũy đủ 3 tín chỉ môn học Kỹ năng số là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Một số quy định khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 289/QĐ-ĐHTBD ngày 06/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9
1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
1.3.	Chính trị	11	11	
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	NGÀNH	71	59	12
2.1.	Cơ sở ngành	23	23	

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
2.2.	Cốt lõi ngành	36	36	
2.3.	Chuyên ngành	12		12
3.	TỐT NGHIỆP	6		6
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	100	30
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15

5.2. Danh mục môn học

TT	Mã môn học		Môn học	Số tín chỉ		
				Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT			53	41	12
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng			15	6	9
1	CNTT111V1	Kỹ năng số			3	
2	LUAT124V1	Pháp luật và quyền con người			3	
	Sinh viên tự chọn tích lũy 9 tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức và kỹ năng khai phóng (Phụ lục 1).					9
1.2.	Ngoại ngữ			18	18	
3	TA128E1	English 1			3	
4	TA129E1	English 2			3	
5	TA130E1	English 3			3	
6	TA131E1	English 4			3	
7	TA132E1	English 5			3	
8	TA133E1	English 6			3	
1.3.	Chính trị			11	11	
9	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin			3	
10	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			2	
11	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học			2	
12	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh			2	
13	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			2	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.4.	Thẻ chất và quốc phòng <i>Không tính trung bình chung tích lũy</i>		9	6	3
14	GDTQ147V1	Giáo dục thẻ chất			3
15	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		6	
2.	NGÀNH		71	59	12
2.1.	Cơ sở ngành		23	23	
16	KT101V1	Nguyên lý kế toán		3	
17	KT103V1	Kế toán tài chính 1		3	
18	QTKD110V1	Các nguyên lý của kinh tế học		3	
19	KT104V1	Kế toán tài chính 2		3	
20	QTKD118V1	Thống kê trong kinh doanh		3	
21	QTKD115V1	Quản lý doanh nghiệp hiện đại		3	
22	TCNH101V1	Tài chính, tiền tệ và tín dụng		3	
23	KT207V1	Thực tập nhận thức		2	
2.2.	Cốt lõi ngành		36	36	
24	KT208V1	Chuyên đề 1		1	
25	KT210V1	Đề án cơ sở		2	
26	TCNH102V1	Tài chính doanh nghiệp		3	
27	TCNH202V1	Ngân hàng thương mại		3	
28	TCNH212V1	Phân tích báo cáo tài chính		3	
29	KT105V1	Hệ thống thông tin kế toán		3	
30	KT216V1	Kế toán thuế và nghiệp vụ thuế		3	
31	KT202V1	Kế toán chi phí		3	
32	KT217V1/ KT217E1	Ứng dụng phần mềm kế toán		3	
33	KT201V1	Kế toán quản trị		3	
34	KT302V1	Kiểm toán cơ bản		3	
35	KT215V1	Kế toán quốc tế		3	
36	KT209V1	Chuyên đề 2		1	
37	KT211V1	Đề án chuyên ngành		2	
2.3.	Chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành)		12		12

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
2.3.1.	Chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp				12
38	KT304V1	Kiểm toán nâng cao			3
39	KT308V1	Kế toán nhà hàng - khách sạn			3
40	KT305V1	Kế toán ngân hàng			3
41	KT303V1	Kế toán công			3
2.3.2.	Chuyên ngành: Kiểm toán				12
42	KT304V1	Kiểm toán nâng cao			3
43	KT309V1	Kiểm soát nội bộ			3
44	KT312V1	Kiểm toán hoạt động			3
45	KT310V1	Kiểm toán nhà nước			3
3.	TỐT NGHIỆP <i>Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo MỘT trong hai hướng sau:</i> - Thực tập tốt nghiệp và chuyên luận (6 tín chỉ): Ngoài quy định chung về thực tập của trường, báo cáo thực tập tối thiểu 10 trang và chuyên luận tối thiểu 5 trang A4. - Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): GPA tối thiểu tại thời điểm đăng ký là 2.8. Báo cáo khóa luận tối thiểu 30 trang A4.		6		6
46	KT401V1	Thực tập tốt nghiệp			6
47	KT402V1	Khóa luận tốt nghiệp			6
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG		45		45
4.1.	Song ngành <i>Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 30 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác theo khung quy định về các khối kiến thức song ngành của ngành tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (không phải bằng đại học thứ 2) (Phụ lục 2).</i>		30		30
4.2.	Ngành phụ <i>Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 15 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác, theo khung quy định về các khối kiến thức của ngành phụ tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được ghi nhận trong kết quả học tập (Phụ lục 3).</i>		15		15

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo

Phương châm: Sống cũng là học thông qua Extracurricular activities.

Extracurricular activities (EC) thường được dịch sang tiếng Việt là ‘hoạt động ngoại khóa’, có nghĩa là bên ngoài khóa học, thường bao gồm các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các câu lạc bộ văn thể mỹ, thiện nguyện... Xác định các hoạt động này ‘bên ngoài khóa học’ là bởi

chúng không phải là một phần của chương trình đào tạo hay môn học cụ thể nào, và do đó cũng không đóng góp vào điểm số và kết quả học tập của sinh viên.

Dù không chi phối đến kết quả học tập của sinh viên, EC vẫn có tác động quan trọng vào hình thành năng lực của người học. Để tránh hiểu nhầm rằng EC không có đóng góp gì cho sinh viên, nhà trường không gọi đây là ‘hoạt động ngoại khóa’ đơn thuần, mà coi đó là ‘sự trải nghiệm đời sống sinh viên, sống cũng là học’. Trải nghiệm càng sâu thì học được càng nhiều.

a) Tham gia Đoàn - Hội và phát triển Đảng

Đoàn trường Đại học Thái Bình Dương và Hội Sinh viên Trường là 02 tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên và sinh viên TBD, được hình thành từ những ngày đầu thành lập trường. Qua hơn chục năm phát triển, các tổ chức này đã không ngừng lớn mạnh và tạo lập nhiều hoạt động trải nghiệm làm phong phú đời sống sinh viên. Một số hoạt động nổi bật như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hội trại thường niên, Hội thao thường niên, Liên hoan văn nghệ thường niên.

Trong nhiều năm qua, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường đã luôn chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét và kết nạp.

b) Thể hiện bản thân ở các câu lạc bộ

Trường Đại học Thái Bình Dương tạo điều kiện để phát triển các câu lạc bộ (CLB) sinh viên nhằm đa dạng hóa trải nghiệm đời sống sinh viên. Nhà trường sẵn sàng tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí ban đầu cho các CLB hoạt động. Hiện TBD đã có nhiều CLB hình thành và đi vào hoạt động thiết thực: CLB Nghề Luật, CLB Khởi nghiệp, CLB English, CLB Guitar, CLB Dancing, các CLB thể thao bộ môn, các CLB thiện nguyện...

Mỗi CLB đều có những nét riêng về định hướng và văn hóa sinh hoạt. Sinh viên chủ động liên hệ thêm để tìm hiểu tham gia. Nhà trường có thể cung cấp một số nét chính về chủ trương như sau: (1) CLB sinh viên là do sinh viên kết nối, thành lập và làm chủ; (2) Nhà trường tạo điều kiện về chính sách, không gian hoạt động và một khoản kinh phí; (3) Đoàn - Hội là đơn vị cầu nối để phát huy những hỗ trợ của trường đến với CLB. Với các CLB cấp trường, Hội Sinh viên Trường có thể ra quyết định thành lập CLB như là một cách để hỗ trợ CLB hình thành ban đầu, tạo cho CLB một chỗ dựa về mặt cơ chế, nhưng vẫn giữ nguyên tắc ‘CLB sinh viên là của sinh viên, do sinh viên chủ động phát triển’; (4) Các Khoa đóng vai trò hỗ trợ thành lập và tạo điều kiện phát triển đối với các CLB gắn liền với chuyên môn Khoa (CLB cấp khoa).

c) Bồi dưỡng văn hóa đọc và nhiều điều khác tại thư viện

Thư viện Đại học Thái Bình Dương là một trung tâm thông tin thân thiện với người dùng, cung cấp môi trường hỗ trợ học tập phù hợp giá trị cốt lõi của nhà trường. Là một không gian phức hợp, bao gồm các khu vực làm việc nhóm, khu vực học tập độc lập và khu vực học tập chung thư viện là nơi lý tưởng cho người đọc trong các hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Thư viện TBD còn là nơi tạo cảm hứng và khơi dậy niềm đam mê tìm hiểu, sáng tạo, mở rộng tầm nhìn, đón nhận tích cực, thông qua các hoạt động thường xuyên như nói chuyện, thuyết trình, thảo luận sách, triển lãm, chiếu phim, giới thiệu tác phẩm.

Nhà trường còn chủ trương xây dựng thư viện thành một “không gian tự quản”. Theo đó, thư viện không chỉ mở cửa theo giờ làm việc thông thường, mà còn mở rộng giờ hoạt động tối đa theo nhu cầu của sinh viên, đặc biệt là đối với các sinh viên đang ở ký túc xá. Sinh viên được trao quyền tự quản và sử dụng thư viện trong các giờ mở rộng này. Tùy theo nhu cầu của sinh viên mà thời gian mở rộng sẽ được nói dần, với mục tiêu lâu dài tạo được một thư viện mở cửa 24/7.

d) Tận hưởng đời sống ký túc xá ở TBD Campus Resort

Ký túc xá (KTX) Trường Đại học Thái Bình Dương được bố trí ngay trong khuôn viên nhà trường (on-campus), không phải chỉ vì lý do thuận tiện đi lại, mà vì một tiêu xa hơn. Đó là để xây dựng một cuộc sống “khai phóng” trong KTX. Qua đó, xây dựng những cư dân KTX có năng lực xây dựng mối quan hệ, với trí thông minh cảm xúc, có trách nhiệm cá nhân, và biết quan tâm đến người khác.

e) Thỏa sức đam mê ở Trung tâm Thể dục thể thao TBD

Hiện tại, khu thể thao đa năng đã cung cấp các dịch vụ sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ. Đang tiến tới hoàn thành các hạng mục khác gồm sân tennis, bóng bàn và võ thuật.

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

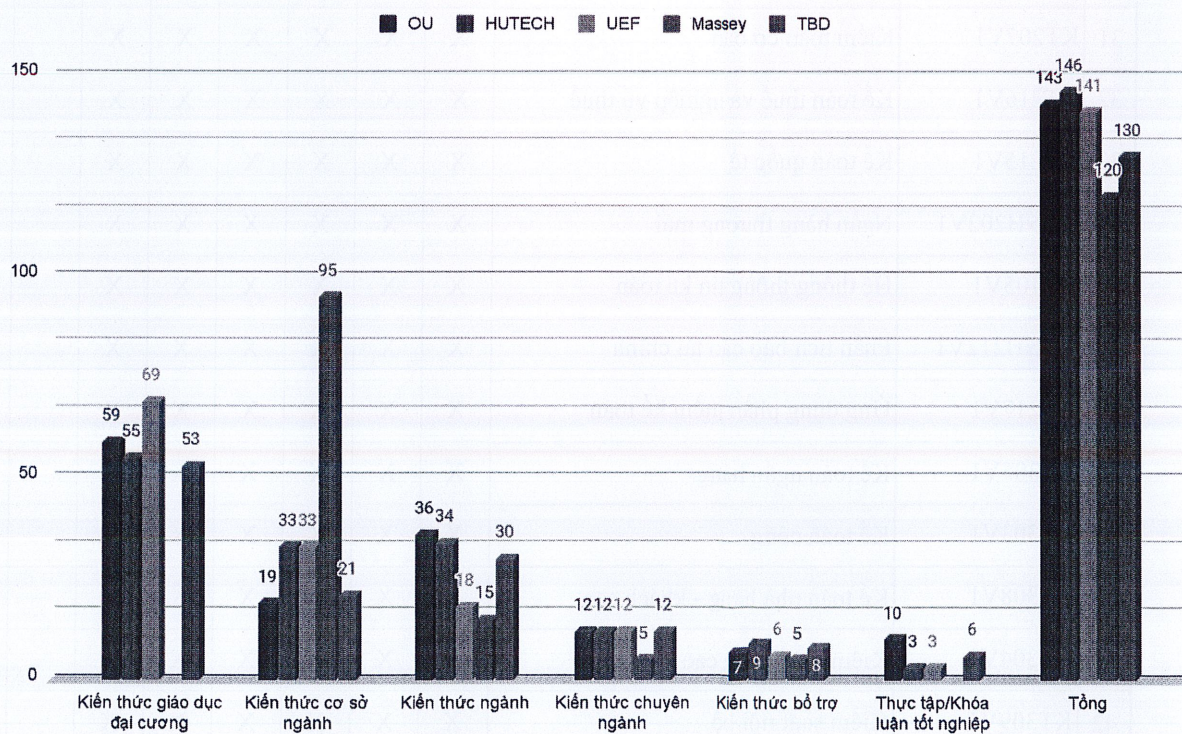
TT	Mã môn học	Môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	CNTT111V1	Kỹ năng số							X	X	X
2	LUAT124V1	Pháp luật và quyền con người							X	X	X
3	TA128E1	English 1							X	X	X
4	TA129E1	English 2							X	X	X
5	TA130E1	English 3							X	X	X
6	TA131E1	English 4							X	X	X
7	TA132E1	English 5							X	X	X
8	TA133E1	English 6							X	X	X
9	GDTQ101V1	Triết học Mác-Lê Nin							X	X	X
10	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin							X	X	X
11	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học							X	X	X
12	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh							X	X	X
13	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam							X	X	X
14	GDTQ147V1	Giáo dục thể chất							X	X	X
15	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh							X	X	X
16	QTKD110V1	Các nguyên lý của kinh tế học	X	X	X	X	X	X			

TT	Mã môn học	Môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	TCNH101V1	Tài chính, tiền tệ và tín dụng	X	X	X	X	X	X			
18	KT101V1	Nguyên lý kế toán	X	X	X	X	X	X			
19	KT103V1	Kế toán tài chính 1	X	X	X	X	X	X			
20	KT104V1	Kế toán tài chính 2	X	X	X	X	X	X			
21	TCNH102V1	Tài chính doanh nghiệp	X	X	X	X	X	X			
22	QTKD115V1	Quản lý doanh nghiệp hiện đại	X	X	X	X	X	X			
23	QTKD118V1	Thống kê trong kinh doanh	X	X	X	X	X	X			
24	KT207V1	Thực tập nhận thức	X	X	X	X	X	X			
25	KT210V1	Đề án cơ sở	X	X	X	X	X	X			
26	KT211V1	Đề án chuyên ngành	X	X	X	X	X	X			
27	KT208V1	Chuyên đề 1	X	X	X	X	X	X			
28	KT209V1	Chuyên đề 2	X	X	X	X	X	X			
29	KT201V1	Kế toán quản trị	X	X	X	X	X	X			
30	KT202V1	Kế toán chi phí	X	X	X	X	X	X			
31	KT207V1	Kiểm toán cơ bản	X	X	X	X	X	X			
32	KT216V1	Kế toán thuế và nghiệp vụ thuế	X	X	X	X	X	X			
33	KT215V1	Kế toán quốc tế	X	X	X	X	X	X			
34	TCNH202V1	Ngân hàng thương mại	X	X	X	X	X	X			
35	KT105V1	Hệ thống thông tin kế toán	X	X	X	X	X	X			
36	TCNH212V1	Phân tích báo cáo tài chính	X	X	X	X	X	X			
37	KT217V1	Ứng dụng phần mềm kế toán	X	X	X	X	X	X			
38	KT305V1	Kế toán ngân hàng	X	X	X	X	X	X			
39	KT303V1	Kế toán công	X	X	X	X	X	X			
40	KT308V1	Kế toán nhà hàng - khách sạn	X	X	X	X	X	X			
41	KT304V1	Kiểm toán nâng cao	X	X	X	X	X	X			
42	KT309V1	Kiểm soát nội bộ	X	X	X	X	X	X			
43	KT312V1	Kiểm toán hoạt động	X	X	X	X	X	X			
44	KT310V1	Kiểm toán nhà nước	X	X	X	X	X	X			
45	KT401V1/ KT402V1	Thực tập/ Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X			

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

- Đại học Mở tp.HCM (OU)
- Đại học HuTECH (HUTECH)
- Đại học Kinh tế Tài chính (UEF)
- Massey University (New Zealand)

Khối kiến thức	OU	HUTECH	UEF	Massey	TBD	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	59	55	69		53	GDCT, TC, QPAN, TOAN ĐC, GDKP
Kiến thức cơ sở ngành	19	33	33	95	23	
Kiến thức ngành	36	34	18	15	36	
Kiến thức chuyên ngành	12	12	12	5	12	
Kiến thức bổ trợ	7	9	6	5		Ngoài ngành chính, in nghiên
Thực tập/Khóa luận tốt nghiệp	10	3	3		6	
Tổng	143	146	141	120	130	



PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	HỌC KỲ	Số tín chỉ	Ghi chú	
	NĂM THỨ 1	42		
	HỌC KỲ 1	15		
1	Nguyên lý kế toán	3		AB
2	Kỹ năng khai phóng (**)	3	Tự chọn	AB
3	English 1	3		AB
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh (3 tuần)	6		AB
	HỌC KỲ 2	18		
1	Các nguyên lý của kinh tế học	3		A
2	English 2	3		A
3	Kỹ năng khai phóng (**)	3	Tự chọn	A
4	Kỹ năng số	3		B
5	English 3	3		B
6	Kế toán tài chính 1	3		B
	HỌC KỲ 3	9		
1	English 4	3		
2	Kỹ năng khai phóng (**)	3	Tự chọn	
3	Tài chính doanh nghiệp	3		
TT	NĂM THỨ 2	40		
	HỌC KỲ 4	13		
1	English 5	3		A
2	Quản lý doanh nghiệp hiện đại	3		A
3	Chuyên đề 1	1		A
4	Thống kê trong kinh doanh	3		B
5	Kế toán tài chính 2	3		B
	HỌC KỲ 5	18		
1	English 6	3		A
2	Ngân hàng thương mại	3		A
3	Pháp luật và quyền con người	3		A

1C
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 BÌNH DƯƠNG

4	Tài chính tiền tệ và tín dụng	3		B
5	Phân tích báo cáo tài chính	3		B
6	Hệ thống thông tin kế toán	3		B
HỌC KỲ 6		9		
1	Giáo dục thể chất	3	Tự chọn	
2	Triết học Mác - Lênin	3		
3	Kế toán thuế và nghiệp vụ thuế	3		
TT	NĂM THỨ 3	33	Ghi chú	
HỌC KỲ 7		12		
1	Kế toán chi phí	3		A
2	Ứng dụng phần mềm kế toán	3		A
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		A
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		B
5	Thực tập nhận thức	2		B
HỌC KỲ 8		16		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		A
2	Kiểm toán cơ bản	3		A
3	Đề án cơ sở	2		A
4	Kế toán quản trị	3		A
5	Kiểm toán nâng cao	3		B
6	Kế toán quốc tế	3		B
HỌC KỲ 9		5		
1	Đề án chuyên ngành	2		
2	Chuyên đề 2	1		
3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
TT	NĂM THỨ 4	15	Ghi chú	
HỌC KỲ 10		15		
1	Chuyên ngành 1 - Kiểm toán nhà nước - Kế toán ngân hàng	3		A
2	Chuyên ngành 2 - Kiểm soát nội bộ - Kế toán nhà hàng – khách sạn	3		A

3	Chuyên ngành 3 - Kiểm toán hoạt động - Kế toán công	3		A
4	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (8 tuần – Đợt 1)	6		B
	HỌC KỲ 11	0		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (8 tuần – Đợt 2)	6		

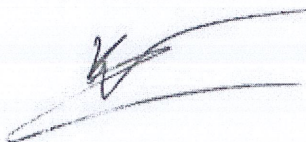
7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Các học phần tự chọn trong nhóm học phần Giáo dục tổng quát, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.
- Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.
- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 41
SV năm II	42 - 77
SV năm III	78 - 124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

- Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.
- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.
- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/ học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Khoa/ Bộ môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học bắt buộc và lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp.

Trưởng Khoa



TS. Nguyễn Bá Hùng

Hiệu trưởng



TS. Phạm Quốc Lộc

